Phụ lục I
KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

TRƯỜNG TH&THCS ĐIỀN XÁ
TỔ: THCS TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC: TIN, KHỐI LỚP 6
Năm học 2025 - 2026

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 03**; Số học sinh:** 87 **; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:** 0
2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 9; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 0 Đại học: 9; Trên đại học: 0
Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 06; Khá: 03; Đạt: 0; Chưa đạt: 0
3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Bài dạy/Bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy chiếu, mành chiếu	01	Các tiết	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập:

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng học bộ môn	01	Môn Tin	

II. Kế hoạch dạy học:

STT	Bài học/ bài kiểm tra, đánh giá định kì	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Năng lực số
1	**CHỦ ĐỀ A. MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG** Bài 1. Thông tin và dữ liệu	01	**1. Về kiến thức:** - Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu. - Phân biệt được thông tin và vật mang tin. - Nêu được ví dụ minh hoạ tầm quan trọng của thông tin. - Nêu được ví dụ minh họa mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu **2. Về năng lực:** **2.1. Năng lực chung**	1.1.TC1a

			Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau: - Năng lực tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về khái niệm Thông tin, dữ liệu, vật mang tin. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra ví dụ về: Thông tin, dữ liệu, vật mang tin. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ về mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu, ví dụ minh họa tầm quan trọng của thông tin. **2.2. Năng lực Tin học:** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau: **Năng lực A (NLa):** - Phát triển năng lực sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông. **Năng lực C (NLc):** - Phát triển năng lực nhận biết và hình thành nhu cầu tìm kiếm thông tin từ nguồn dữ liệu số khi giải quyết công việc. - Từng bước nhận biết được - một cách không tường minh - tính phi vật lí của thông tin, qua đó nâng cao năng lực tư duy trừu tượng. **Năng lực D (NLd):** - Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học. **Năng lực E (NLe):** - Năng lực hợp tác trong môi trường số. **3.Về phẩm chất:** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh như sau: - Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm. - Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực. - Trung thực: Thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá. - Trách nhiệm: Hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.	

2	Bài 2. Xử lí thông tin	01	**1. Về kiến thức:** - Nêu được các hoạt động cơ bản trong xử lí thông tin. - Giải thích được máy tính là công cụ hiệu quả để xử lí thông tin. **2. Về năng lực:** **2.1. Năng lực chung** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau: - Năng lực tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về xử lí thông tin trong máy tính. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra ví dụ về: Xử lý thông tin trong máy tính. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ về xử lý thông tin trong máy tính. **2.2. Năng lực Tin học:** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau: **Năng lực A (NLa):** - Phát triển năng lực sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông. **Năng lực C (NLc):** - Phát triển năng lực nhận biết và hình thành nhu cầu tìm kiếm thông tin từ nguồn dữ liệu số khi giải quyết công việc. - Từng bước nhận biết được - một cách không tường minh - tính phi vật lí của thông tin, qua đó nâng cao năng lực tư duy trừu tượng. **Năng lực D (NLd):** - Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học. **Năng lực E (NLe):** Năng lực hợp tác trong môi trường số. **3. Về phẩm chất:** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh như sau: - Nhân ái:Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.	1.3.TC1b

			- Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực. - Trung thực: Thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá. - Trách nhiệm: Hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.	
3	Bài 3. Thông tin trong máy tính-	02	**1. Về kiến thức:** Sau bài học này, học sinh sẽ có được kiến thức về: - Giải thích được việc có thể biểu diễn thông tin với chỉ hai ký hiệu 0 và 1. - Biết được bit là đơn vị lưu trữ thông tin nhỏ nhất; các bội số của nó là Byte, KB, MB, … - Nêu được tên và độ lớn của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin. - Biết được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như: đĩa quang, đĩa từ, thẻ nhớ, … **2. Về năng lực:** **2.1. Năng lực chung** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau: - Năng lực tự chủ và tự học: HS có khả năng tự đọc SGK, kết hợp với gợi ý và dẫn dắt của GV để trả lời các câu hỏi liên quan đến biểu diễn thông tin trong máy tính. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh biết cách nghiên cứu các tình huống gợi vấn đề, từ đó học sinh phát hiện vấn đề, tìm cách giải quyết vấn đề. **2.2. Năng lực Tin học:** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau: **Năng lực A (NLa):** – Biết tổ chức và lưu trữ dữ liệu. – Ước lượng được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ. **Năng lực C (NLc):** - Hình thành được tư duy về mã hóa thông tin.	1.3.TC1a

			Năng lực D (NLd): - Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học tập và tự học **3.Về phẩm chất:** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh như sau: - Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm. - Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực. - Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá. - Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.	
4	**CHỦ ĐỀ B. MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET** Bài 4. Mạng máy tính	02	**I. Mục tiêu** **1. Về kiến thức:** - Biết được mạng máy tính là gì và lợi ích của nó trong cuộc sống. - Kể được tên những thành phần chính của một mạng máy tính. - Nêu được ví dụ cụ thể về trường hợp mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây. **2. Về năng lực:** **2.1. Năng lực chung** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau: - Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ trong cuộc sống hằng ngày. **2.2. Năng lực Tin học:** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của	2.1.TC1b 2.2.TC1a 2.4.TC1a

			học sinh như sau: **Năng lực A (NLa):** - Sử dụng mạng máy tính phục vụ cuộc sống và học tập. **Năng lực C (NLc):** - Nhận biết được các thiết bị khác nhau trong một mạng máy tính - Nêu được ví dụ lợi ích có được từ mạng máy tính - Nêu được một số thiết bị đầu cuối trong thực tế **Năng lực D (NLd):** - Sử dụng được môi trường mạng máy tính để tìm kiếm, thu thập, cập nhật và lưu trữ thông tin phù hợp với mục tiêu học tập, chủ động khai thác các tài nguyên hỗ trợ học tập. **Năng lực E (NLe):** - Năng lực hợp tác trong môi trường số. **3.Về phẩm chất:** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh như sau: - Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm. - Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực. - Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá. - Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.	
5	Bài 5. Internet	02	**1. Về kiến thức: Sau bài học này, học sinh sẽ có kiến thức về:** − Biết internet là gì − Biết một số đặc điểm và lợi ích chính của internet **2. Về năng lực:** **2.1. Năng lực chung:** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau: **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về Internet là gì, đặc điểm và lợi ích chính của Internet. **Năng lực giao tiếp và hợp tác**: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra ví dụ về: Internet và các lợi ích mà Internet đem lại đối với HS.	1.1.TC1a 1.1.TC1c 2.1.TC1a

			Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ về Internet, IoT,… **2.2. Năng lực Tin học:** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau: **Năng lực C (NLc):** – *Nhận biết* được sự khác nhau giữa mạng máy tính và Internet. – *Phân biệt* được các đặc điểm của Internet. – *Nêu* được ví dụ minh hoạ về lợi ích của Internet. – *Nêu* được ví dụ minh hoạ về ứng dụng của Internet với đời sống. **3. Về phẩm chất:** - Các hoạt động luôn hướng đến việc khuyến khích các em có ý thức trách nhiệm, biết chia sẻ, tăng cường giao tiếp.	
6	**KTĐG giữa kỳ I**	01	**1.Về kiến thức:** - Củng cố các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để giải quyết các bài tập và tình huống **2. Về năng lực:** **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự tổng hợp kiến thức để trả lời các câu hỏi **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Vận dụng KT để giải quyết linh hoạt các câu hỏi và BT **3. Về phẩm chất:** - Các hoạt động luôn hướng đến việc khuyến khích các em có ý thức trách nhiệm, biết chia sẻ, tăng cường giao tiếp.	
7	**CHỦ ĐỀ C. TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN** Bài 6. Mạng thông tin toàn cầu	02	**1. Về kiến thức:** - Trình bày được các khái niệm World Wide Web, website, địa chỉ của website, trình duyệt. - Biết cách sử dụng trình duyệt để vào trang web cho trước xem và nêu được các thông tin chính trên trang web đó - Khai thác được các thông tin trên một số trang web thông dụng: tra từ điển, xem tin thời tiết, thời sự… **2. Về năng lực:** - Phát triển tư duy logic, năng lực phân tích, đánh giá, khái quát và giải quyết vấn đề. - Rèn kĩ năng hợp tác, giao tiếp và thuyết trình	1.1.TC1a 1.1.TC1c 2.1.TC1a

			3. Về phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	
8	Bài 7. Tìm kiếm thông tin trên Internet	02	**1. Về kiến thức:** Sau bài học này, học sinh sẽ có được kiến thức về: - Máy tìm kiếm và công dụng của máy tìm kiếm. - Xác định từ khóa ứng với mục đích tìm kiếm**.** - Thực hiện tìm kiếm, khai thác thông tin trên internet. **2. Về năng lực:** **2.1. Năng lực chung:** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau: **Năng lực tự chủ, tự học**: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về máy tìm kiếm, từ khóa, khai thác thông tin trên Internet. **Năng lực giao tiếp và hợp tác**: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra câu trả lời về tìm kiếm thông tin. **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Học sinh đưa ra và thực hiện được tìm kiếm thông tin phục vụ học tập liên môn (ví dụ tìm hiểu về tầng ozone..) và áp dụng vào cuộc sống (ví dụ tìm kiếm thông tin du lịch ở địa điểm nào đó, thông tin dịch bệnh Covid 19..). **2.1. Năng lực tin học** - Sử dụng máy tìm kiếm, internet để hoàn thành nhiệm vụ của bài học (NLa) - Hiểu được tầm quan trọng của máy tìm kiếm, từ khóa: biết lựa chọn thông tin phù hợp và giá trị với mục đích tìm kiếm (NLc) - Sử dụng môi trường internet để tìm kiếm, thu thập thông tin phù hợp với mục đích tìm kiếm cho học tập (NLd). **3. Về phẩm chất:** thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau: **Nhân ái**: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm. **Chăm chỉ**: cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập. **Trách nhiệm**: rèn luyện tính cẩn trọng và chính xác, có tinh thần trách nhiệm trong sử dụng thông tin.	1.1.TC1a 1.1.TC1b 1.1.TC1c 1.1.TC1d

9	Bài 8. Thư điện tử	02	**1. Về kiến thức:** Sau bài học này, học sinh sẽ có được kiến thức về: – Thư điện tử, ưu điểm và nhược điểm cơ bản của dịch vụ thư điện tử – Tài khoản thư điện tử – Hộp thư điện tử, thành phần của địa chỉ thư điện tử – Đăng ký tài khoản thư điện tử – Đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất hộp thư điện tử **2. Về năng lực:** **2.1. Năng lực chung:** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau: **Năng lực tự chủ, tự học**: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về khái niệm Thư điện tử, dịch vụ thư điện tử, tài khoản thư điện tử. **Năng lực giao tiếp và hợp tác**: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra ví dụ về: Địa chỉ thư điện tử **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Học sinh đưa ra được các phương thức trao đổi thông tin xưa và nay. **2.2. Năng lực Tin học:** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau: **Năng lực C (NLc):** – *Nhận biết* thư điện tử – *Nêu* được ưu điểm và nhược điểm của dịch vụ thư điện tử – *Phân biệt* được các thành phần của địa chỉ thư điện tử – *Nhận biết* tài khoản thư điện tử – *Nhận biết* được hộp thư điện tử – *Nhận biết* được dịch vụ thư điện tử – *Nhận biết* cách đăng ký tài khoản – *Nhận biết* được cách đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất **3. Về phẩm chất:** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau: **Nhân ái:** Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm. **Trung thực:** Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.	2.1.TC1a 2.1.TC1b 2.2. TC1a 2.2.TC1b 2.4.TC1a
10	Ôn tập cuối kỳ I	01	**1.Về kiến thức:**	Trực

			- Củng cố các kiến thức đã học của cả học kì **2. Về năng lực:** **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự tổng hợp kiến thức để trả lời các câu hỏi **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ về Internet, IoT,…, giải quyết các bài tập **3. Về phẩm chất:** - Các hoạt động luôn hướng đến việc khuyến khích các em có ý thức trách nhiệm, biết chia sẻ, tăng cường giao tiếp.	tuyến
11	**KTĐG cuối kỳ I**	01	**1.Về kiến thức:** - Củng cố các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để giải quyết các bài tập và tình huống **2. Về năng lực:** **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự tổng hợp kiến thức để trả lời các câu hỏi **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Vận dụng KT để giải quyết linh hoạt các câu hỏi và BT **3. Về phẩm chất:** - Các hoạt động luôn hướng đến việc khuyến khích các em có ý thức trách nhiệm, biết chia sẻ, tăng cường giao tiếp.	
12	**CHỦ ĐỀ D. ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HÓA TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ** Bài 9. An toàn thông tin trên Internet	02	**1. Về kiến thức:** Sau bài học này, học sinh sẽ có được kiến thức về: - Tác hại và nguy cơ bị hại khi sử dụng internet. - Bảo vệ được thông tin và tài khoản cá nhân. - Biết cách chia sẻ thông tin an toàn. - Nhận diện được thông điệp mang nội dung xấu, lừa đảo. **2. Về năng lực:** - HS hình thành và phát triển được tư duy logic, khả năng phán đoán và giải quyết vấn đề. - Nội dung gắn liền kiến thức với thực tế, nhằm kết nối tri thức với cuộc sống. **2.1. Năng lực chung:** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau: Năng lực tư duy logic. Năng lực phán đoán. Năng lực phân tích và giải quyết vấn đề.	4.1.TC1b 4.3.TC1a 4.3.TC1b

			2.2. Năng lực Tin học: Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau: **Năng lực C (NLc):** **3. Về phẩm chất:** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau: **Cởi mở:** Thể hiện sự cởi mở và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm. **Thận trọng:** Cẩn trọng trước những thông điệp, người xấu trên mạng Internet. .	
13	**CHỦ ĐỀ E. ỨNG DỤNG TIN HỌC** Bài 10. Sơ đồ tư duy	02	**1. Về kiến thức:** Sau bài học này, học sinh sẽ có được kiến thức về: - Sắp xếp được một cách logic và trình bày được dưới dạng sơ đồ tư duy các ý tưởng, khái niệm. - Giải thích được lợi ích của sơ đồ tư duy, nêu được nhu cầu sử dụng phần mềm sơ đồ tư duy trong học tập và trao đổi thông tin. - Tạo được sơ đồ tư duy đơn giản bằng phần mềm. **2. Về năng lực**: Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau: - Phát triển năng lực sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông (NLa). - Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học (NLd). - Năng lực hợp tác trong môi trường số (NLe). **3. Về phẩm chất:** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh như sau: - Học sinh có thái độ cởi mở, hợp tác khi làm việc nhóm. - Thông qua việc hiểu, giải thích được lợi ích của sơ đồ tư duy và nêu được nhu cầu sử dụng phần mềm, học sinh được rèn luyện tư duy phê phán.	3.1.TC1a 3.1.TC1b 5.2.TC1a 5.2.TC1b 5.3.TC1a
14	Bài 11. Định dạng văn bản	02	**1. Về kiến thức:** - Nêu được các chức năng đặc trưng của những phần mềm soạn thảo văn bản. - Biết các thao tác định dạng đoạn văn bản, trang văn bản và in. **2. Về năng lực:** **2.1. Năng lực chung** - Năng lực tự chủ và tự học: HS có khả năng tự tìm hiểu nội dung theo gợi ý của giáo viên.	3.1.TC1a 5.2.TC1a 5.2.TC1b

			- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS có khả năng giải quyết các tình huống mà GV đưa ra. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS có khả năng hoạt động nhóm và chia sẻ kiến thức trong quá trình làm việc nhóm. **2.2. Năng lực Tin học** - NLd: Phát triển năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học. - Nle: Nâng cao năng lực hợp tác trong môi trường số. **3. Về phẩm chất:** - Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong học và tự học.	
15	Bài 12. Trình bày thông tin ở dạng bảng	02	**1. Về kiến thức:** − Biết được ưu điểm của việc trình bày thông tin ở dạng bảng. − Trình bày được thông tin ở dạng bảng bằng phần mềm soạn thảo văn bản. **2. Về năng lực:** **2.1. Năng lực chung** − Năng lực tự chủ và tự học: HS có khả năng tự tìm hiểu nội dung theo gợi ý của giáo viên. − Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS có khả năng giải quyết các tình huống mà GV đưa ra. − Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS có khả năng hoạt động nhóm và chia sẻ kiến thức trong quá trình làm việc nhóm. **2.2. Năng lực Tin học** − Phát triển năng lực tổ chức và trình bày thông tin − Phát triển năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học. − Nâng cao năng lực hợp tác trong môi trường số. **3. Về phẩm chất:** − Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong học và tự học. .	3.1.TC1a 5.2.TC1a 5.2.TC1b
16	**KTĐG giữa kỳ II**	01	**1.Về kiến thức:** - Củng cố các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để giải quyết các bài tập và tình huống **2. Về năng lực:** **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự tổng hợp kiến thức để trả lời các câu hỏi	19

			Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng KT để giải quyết linh hoạt các câu hỏi và BT **3. Về phẩm chất:** - Các hoạt động luôn hướng đến việc khuyến khích các em có ý thức trách nhiệm, biết chia sẻ, tăng cường giao tiếp.	
17	Bài 13. Thực hành: Tìm kiếm và thay thế	02	**1.Về kiến thức:** - Trình bày được tác dụng của công cụ tìm kiếm, thay thế trong phần mềm soạn thảo văn bản. - Sử dụng được công cụ tìm kiếm, thay thế của phần mềm soạn thảo văn bản. **2. Về năng lực** ***2.1. Năng lực chung*** - Năng lực tự chủ, tự học: chủ động và tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập; vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học về soạn thảo văn bản để giải quyết yêu cầu trong bài tập mới. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: hiểu được mục đích giao tiếp trong các hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: ***2.2. Năng lực Tin học*** - Sử dụng công cụ công nghệ thông tin để hoàn thiện sản phẩm số: sử dụng được công cụ tìm kiếm, thay thế của phần mềm soạn thảo văn bản để thực hiện yêu cầu, nhiệm vụ học tập. (NLa) - Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của công nghệ thông tin. (NLe) ***2.3. Các năng lực khác*** - Năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ: thể hiện thông qua nội dung và hình thức các bài viết cảm nghĩ của HS cho cuốn sổ lưu niệm. **3. Về phẩm chất:** - Rèn luyện phẩm chất nhân ái: tôn trọng sự khác biệt giữa các cá nhân, sự khác biệt về văn hóa, từ ngữ giữa các vùng miền. - Rèn luyện và phát triển phẩm chất chăm chỉ: cố gắng hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập.	3.1.TC1a 5.2.TC1a 5.2.TC1b
18	Bài 14. Thực hành tổng hợp: Hoàn thiện sổ lưu niệm	01	**1. Về kiến thức:** - Biết cách tổng hợp, sắp xếp các nội dung đã có thành một sản phẩm hoàn chỉnh. **2. Về năng lực:** ***2.1. Năng lực chung***	3.1.TC1a 3.1.TC1b 5.2.TC1a 5.2.TC1b

			-Năng lực tự chủ, tự học: chủ động và tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập; vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để hoàn thành nhiệm vụ. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: hiểu được mục đích giao tiếpvà giao tiếp hiệu quả trong hoạt động nhóm. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tổng hợp, sắp xếp được các sản phẩm đã có thành một sản phẩm số hoàn chỉnh. ***2.2. Năng lực Tin học*** - Sử dụng đúng các thiết bị, phần mềm thông dụng, mạng máy tính để hoàn thành nhiệm vụ học tập của Chủ đề. (NLa) - Có ý thức tự bảo vệ sức khỏe trong khai thác và sử dụng ứng dụng ICT. (NLb) - Hiểu được tầm quan trọng của thông tin: biết lựa chọn thông tin nào là phù hợp và "giá trị" để đưa vào sổ lưu niệm. (NLc) - Sử dụng môi trượng mạng máy tính để tìm kiếm, thu thập, lưu trữ thông tin phù hợp bổ sung cho nội dung của sổ lưu niệm. (NLd) - Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của công nghệ thông tin. (NLe) ***2.3. Các năng lực khác*** -Năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ: thể hiện thông qua nội dung và hình thức của sản phẩm sổ lưu niệm. **3. Về phẩm chất:** - Nhân ái: tôn trọng sự khác biệt giữa các cá nhân, sự khác biệt về văn hóa. - Chăm chỉ: cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập. - Trách nhiệm: có thói quen giữ gìn sức khỏe, tuân thủ các nguyên tắc an toàn về điện khi sử dụng các thiết bị CNTT. Bảo vệ thông tin của bạn bè, thầy cô khi giao tiếp trong môi trường số.	
19	**CHỦ ĐỀ F. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH** Bài 15. Thuật toán	01	**1. Về kiến thức:** - Diễn tả được sơ lược khái niệm thuật toán, - Nêu được một vài ví dụ minh hoạ. - Biết thuật toán được mô tả dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối **2. Về năng lực:** - Thông qua các hoạt động học tập, HS được hình thành và phát triển tư duy lôgic, từng bước	3.4.TC1a

			nâng cao năng lực giải quyết vấn đề. Các hoạt động thảo luận nhóm và trình bày kết quả thảo luận nhằm rèn luyện cho HS năng lực hoạt động cộng tác, năng lực giao tiếp và thuyết trình. - Nhiều hoạt động trong bài học được tích hợp kiến thức hội hoạ, công nghệ,… nhằm kết nối kiến thức tin học với các lĩnh vực khác của cuộc sống. **3. Về phẩm chất:** - HS có thái độ cởi mở, hợp tác khi thực hiện các bài tập nhóm	
21	Bài 16 Các cấu trúc điều khiển	01	**1. Về kiến thức:** Sau bài học này, học sinh sẽ có được kiến thức về: -Biết ba cấu trúc điều khiển thuật toán: tuần tự, rẽ nhánh và lặp. -Mô tả được thuật toán đơn giản có các cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh và lặp dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối. **2. Về năng lực:** - Bước đầu hình thành và phát triển tư duy cấu trúc, tư duy phân tích và điều khiển hệ thống. **2.1. Năng lực chung:** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau: - Năng lực tự chủ và tự học: HS có khả năng tự đọc SGK, kết hợp với gợi ý và dẫn dắt của GV để trả lời các câu hỏi về ba cấu trúc điều khiển. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS đưa ra thêm một số ví dụ về các cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh và lặp trong cuộc sống. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS có khả năng hoạt động nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. **2.2. Năng lực Tin học:** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau: **Năng lực C (NLc):** bước đầu có tư duy phân tích và điều khiển hệ thống: - Nhận biết được ba cấu trúc điều khiển thuật toán: tuần tự, rẽ nhánh và lặp. - Phân biệt được ba cấu trúc điều khiển. - Nêu được ví dụ minh họa của cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh và lặp. - Mô tả được thuật toán đơn giản có các cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh và lặp dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối. **3. Về phẩm chất:** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:	3.4.TC1a

			Ham học: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày. **Trách nhiệm:** có trách nhiệm với các công việc được giao trong hoạt động nhóm.	
22	Ôn tập cuối kỳ II	01	**1.Về kiến thức:** - Củng cố các kiến thức đã học **2. Về năng lực:** **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự tổng hợp kiến thức để trả lời các câu hỏi **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ về Internet, IoT,…, giải quyết các bài tập **3. Về phẩm chất:** - Các hoạt động luôn hướng đến việc khuyến khích các em có ý thức trách nhiệm, biết chia sẻ, tăng cường giao tiếp.	Trực tuyến
24	**KTĐG cuối kỳ II**	01	**1.Về kiến thức:** - Củng cố các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để giải quyết các bài tập và tình huống **2. Về năng lực:** **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự tổng hợp kiến thức để trả lời các câu hỏi **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Vận dụng KT để giải quyết linh hoạt các câu hỏi và BT **3. Về phẩm chất:** - Các hoạt động luôn hướng đến việc khuyến khích các em có ý thức trách nhiệm, biết chia sẻ, tăng cường giao tiếp.	
24	Bài 17. Chương trình máy tính	02	**1. Về kiến thức** - Biết được chương trình là mô tả một thuật toán để máy tính "hiểu" và thực hiện được. **2. Về năng lực** - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống. - Góp phần rèn luyện kĩ năng cộng tác, giao tiếp và thuyết trình (thông qua các hoạt động nhóm). **3. Về phẩm chất** - Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học. - Tôn trọng và tuyệt đối thực hiện các yêu cầu, quy tắc an toàn khi thực hành trong phòng máy.	3.4.TC1a

2. Chuyên đề lựa chọn

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Thời điểm (4)

3. Kiểm tra, đánh giá

Hình thức KTĐG (1)	Bài học (2)	Thời gian (3)	Thời điểm (4)	Công cụ (5)	Ghi chú (6)
Thường xuyên (1)	2 -5	Tiết 2-7	Tuần 2-7	- Câu hỏi và bài tập - Phiếu học tập - Bảng kiểm - Rubic - Phiếu đánh giá	
ĐK- giữa học kì 1	1-5	Tiết 9	Tuần 9	- Đề kiểm tra	
Thường xuyên (2)	6-9	Tiết 10-16	Tuần 10-16	- Câu hỏi và bài tập - Phiếu học tập - Bảng kiểm - Rubic - Phiếu đánh giá	
ĐK - cuối học kì 1	1-9	Tiết 17	Tuần 17	- Đề kiểm tra.	
Thường xuyên (3)	10-13	Tiết 20-26	Tuần 20-26	- Câu hỏi và bài tập - Phiếu học tập - Bảng kiểm - Rubic - Phiếu đánh giá	
ĐK- giữa học kì 2	10-13	Tiết 26	Tuần 26	- Đề kiểm tra	

Thường xuyên (4)	14-16	Tiết 29-31	Tuần 29-31	- Câu hỏi và bài tập - Phiếu học tập - Bảng kiểm - Rubic - Phiếu đánh giá	
ĐK - cuối học kì 2	10-16	Tiết 33	Tuần 33	-Đề kiểm tra	

III. Các nội dung khác (nếu có):

Điền Xá, ngày 05 tháng 01 năm 2026

TỔ TRƯỞNG

Phạm Văn Hường

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D XÃ ĐIỀN XÁ T. QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐIỀN XÁ

Hoàng Thị Lan